

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI
CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023

Căn cứ Kế hoạch số 665/KH-ĐVTDT ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc “*Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II, năm học 2022-2023*” của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ kết quả khảo sát trực tuyến lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II, năm học 2022-2023;

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, năm học 2022 – 2023 như sau:

1. Mục đích khảo sát

Kết quả khảo sát từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là nguồn dữ liệu để lãnh đạo nhà Trường và các Khoa xem xét, đánh giá và đề ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên, điều chỉnh chương trình đào tạo góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Góp phần nâng cao chất lượng của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường; tạo thêm kênh thông tin để giúp giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy và nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

Góp phần thực hiện công tác kiểm định đánh giá chất lượng của Nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

Gồm 6 nội dung chính (với 22 tiêu chí đánh giá):

- Thông tin môn học và tài liệu phục vụ giảng dạy
- Nội dung giảng dạy
- Phương pháp giảng dạy

- Hoạt động giảng dạy
- Công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên
- Cảm nhận về môn học
- Phản hồi khác

3. Phương pháp khảo sát: Trực tuyến

(<https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSfSbhA3ASag3cDn3S7QC5NeymXZPuIVBsnwCJ1bQl1gs1Qiqw/viewform>)

4. Kết quả khảo sát

Tổng số phiếu khảo sát hợp lệ thu về: **1860** phiếu với **106** Giảng viên nhận được phiếu đánh giá hợp lệ, như sau:

4.1. Thông tin môn học và tài liệu phục vụ giảng dạy

- ① Hoàn toàn đồng ý: 65.86%,
- ② Đồng ý: 26.13%,
- ③ Tương đối đồng ý: 2.97%
- ④ Không đồng ý: 1.16%
- ⑤ Hoàn toàn không đồng ý: 3.88%

4.2. Nội dung giảng dạy

- ① Hoàn toàn đồng ý: 63.10%,
- ② Đồng ý: 27.97%,
- ③ Tương đối đồng ý: 3.53%
- ④ Không đồng ý: 1.30%
- ⑤ Hoàn toàn không đồng ý: 4.10%

4.3. Phương pháp giảng dạy

- ① Hoàn toàn đồng ý: 62.70%,
- ② Đồng ý: 28.43%,
- ③ Tương đối đồng ý: 3.53%
- ④ Không đồng ý: 3.50%
- ⑤ Hoàn toàn không đồng ý: 1.20%

4.4. Hoạt động giảng dạy

- ① Hoàn toàn đồng ý: 63.60%,

- ② Đồng ý: 27.84%,
- ③ Tương đối đồng ý: 3.20%
- ④ Không đồng ý: 1.40%
- ⑤ Hoàn toàn không đồng ý: 3.96%

4.5. Công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên

- ① Hoàn toàn đồng ý: 63.00%,
- ② Đồng ý: 28.24%,
- ③ Tương đối đồng ý: 3.28%
- ④ Không đồng ý: 1.36%
- ⑤ Hoàn toàn không đồng ý: 4.12%

(Có bảng kết quả chi tiết kèm theo)

5. Kết luận

Công tác lấy phiếu phản hồi của người học về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên nhà trường được đảm bảo khách quan, trung thực. Với 22 tiêu chí được xây dựng trong phiếu khảo sát đã phản ánh đầy đủ các hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên trong nhà trường. Nhìn chung, các nội dung đánh giá (bao gồm: Thông tin môn học và tài liệu phục vụ giảng dạy, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, hoạt động giảng dạy, công tác kiểm tra và đánh giá sinh viên, cảm nhận về môn học) đều được sinh viên hài lòng và đánh giá cao với tỷ lệ mức hoàn toàn đồng ý trên 60%. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn giảng viên bị đánh giá chưa đạt yêu cầu (mức hoàn toàn không đồng ý) với tỷ lệ 3.45%.

Thông qua kết quả lấy phiếu phản hồi, làm cơ sở để Ban Giám hiệu nhà trường có định hướng đối với các đơn vị trong việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy, xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng giảng viên, các bộ môn tham khảo để phân công giảng dạy phù hợp góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của nhà trường, đáp ứng nhu cầu xã hội.

6. Kiến nghị

- Đối với các Khoa Đào tạo: Đề nghị lãnh đạo các Khoa căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học tổ chức hoạt động cải thiện, rút kinh nghiệm đến toàn thể cán bộ giảng viên,

- Đối với các Phòng, Trung tâm: Đề nghị lãnh đạo các Phòng, Trung tâm có liên quan căn cứ ý kiến khác để xem xét, lựa chọn và đưa ra các biện pháp cải thiện cho phù hợp.

- Đối với giảng viên: Căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học, các giảng viên xem xét, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm để nâng cao chất lượng giảng dạy trong các năm học tiếp theo.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II, năm học 2022-2023. Đề nghị các đơn vị liên quan xem xét và đưa ra giải pháp khắc phục, cải thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy của Giảng viên Nhà trường./. 

Nơi nhận: 

- BGH, CTHĐT;

- Các Khoa, Phòng;

- Lưu: VT, CTCT-HSSV. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hương Lan

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022-2023



I. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN ĐƯỢC KHẢO SÁT

Số lượng thực hiện khảo sát: 1860 phiếu khảo sát

TT	Hệ đào tạo	Số phiếu thực hiện khảo sát	Ghi chú
1.	Đại học Chính quy	1509	
2.	Đại học liên thông chính quy	321	
3.	Trung cấp năng khiếu	19	
4.	Đại học Liên thông vừa làm vừa học	11	

- Số lượng giảng viên được khảo sát: 106 giảng viên

TT	Giảng viên		Số phiếu khảo sát	Ghi chú
1.	Lê Đăng	An	11	
2.	Trần Việt	Anh	14	
3.	Nguyễn Thị Lan	Anh	12	
4.	Nguyễn Thị Hồng	Anh	28	
5.	Lê Thị Vân	Anh	5	
6.	Tào Ngọc	Biên	16	
7.	Lê Thị	Bưởi	33	
8.	Hoàng Anh	Công	13	
9.	Bùi Đức	Chung	10	
10.	Lưu Thị Ngọc	Diệp	32	
11.	Lê Thị	Dung	28	
12.	Lê Thùy	Dung	11	
13.	Đoàn Tiến	Dũng	10	
14.	Lê Thị	Dương	13	
15.	Trịnh Tất	Đạt	22	
16.	Phạm Ngọc	Đỉnh	12	
17.	Mai	Đông	11	
18.	Nguyễn Thị	Giang	13	
19.	Nguyễn Thị	Hà	16	

20.	Trần Minh Thanh	Hà	13	
21.	Trần Nhật	Hải	17	
22.	Lê Đình	Hải	28	
23.	Phạm Thị	Hải	11	
24.	Đặng Thế	Hanh	15	
25.	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	13	
26.	Bùi Thị	Hằng	7	
27.	Hoàng Thị Thu	Hằng	10	
28.	Bùi Thị	Hậu	11	
29.	Phạm Thị Hoàng	Hiền	12	
30.	Nguyễn Thị Thương	Hiền	22	
31.	Hoàng Đình	Hiền	15	
32.	Hoàng Thị Thu	Hoa	13	
33.	Lê Thị	Hòa	11	
34.	Lê Ngọc	Hoàn	12	
35.	Nguyễn Thị	Hồng	14	
36.	Phạm Thị	Hồng	9	
37.	Hoàng Thị	Huệ	11	
38.	Vi Minh	Huy	15	
39.	Vũ Thị	Huyền	12	
40.	Ninh Quang	Hung	14	
41.	Tô Thị	Hương	12	
42.	Lê Thị	Hương	11	
43.	Trần Thu	Hương	15	
44.	Nguyễn Thị	Hường	48	
45.	Trịnh Thị Thuý	Khuyên	8	
46.	Đỗ Thị	Lam	9	
47.	Trần Đình	Lộc	11	
48.	Lê Thị Thanh	Loan	10	
49.	Nguyễn Hoàng	Linh	23	
50.	Lê Thị Thảo	Linh	10	
51.	Lê Mai	Ly	11	
52.	Mai Nguyệt	Minh	11	
53.	Đinh Thị	Mơ	25	

54.	Nguyễn Hà	My	12	
55.	Lưu Vũ	Nam	15	
56.	Nguyễn Thị Thanh	Nga	11	
57.	Bùi Thị	Ngoan	9	
58.	Lê Thị	Ngọc	12	
59.	Lê Quốc	Nguyên	52	
60.	Nguyễn Thị	Nhung	22	
61.	Hoàng Thị Kim	Oanh	65	
62.	Vũ Thị Hoàng	Oanh	55	
63.	Trần Thị	Oanh	11	
64.	Trịnh Xuân	Phương	17	
65.	Phạm Thị	Phượng	16	
66.	Nguyễn Thị	Phượng	14	
67.	Trần Xuân	Quang	11	
68.	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	35	
69.	Nguyễn Như	Son	12	
70.	Đặng Thanh	Tăng	9	
71.	Nguyễn Thanh	Tâm	11	
72.	Trần	Tiến	11	
73.	Dương Đình	Tiến	19	
74.	Nguyễn Thị	Tinh	15	
75.	Lê Văn	Tĩnh	11	
76.	Lã Thị	Tuyên	28	
77.	Lê Thị	Tuyết	5	
78.	Trần Xuân	Tý	11	
79.	Nguyễn Thị	Thái	16	
80.	Lê Bá	Thành	23	
81.	Vũ Trọng	Thành	16	
82.	Nguyễn Tiến	Thành	13	
83.	Nguyễn Công	Thành	12	
84.	Lê Thị	Thảo	12	
85.	Hoàng Thị	Thảo	52	
86.	Tào Thu	Thảo	38	
87.	Hà Diệu Thu	Thảo	11	

88.	Phạm Văn	Thắng	22	
89.	Đỗ Mạnh	Thắng	23	
90.	Bùi Thị	Thu	5	
91.	Lê Thị Minh	Thư	10	
92.	Tạ Thị	Thủy	48	
93.	Vũ Thị	Thùy	12	
94.	Nguyễn Thị	Thủy	15	
95.	Bùi Đăng Thu	Thủy	14	
96.	Ngô Phương	Thúy	33	
97.	Nguyễn Thị Thu	Trang	14	
98.	Lê Thị Thu	Trang	9	
99.	Trịnh Ngọc	Trung	14	
100.	Nguyễn Thành	Trung	17	
101.	Đoàn Văn	Trường	15	
102.	Nguyễn Phi	Trường	9	
103.	Trần Thị	Vân	16	
104.	Mai Thị Thanh	Vân	66	
105.	Mai Anh	Vũ	22	
106.	Phạm Thị Hải	Yến	15	
	Tổng		1.860	

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.1. Thông tin môn học và tài liệu phục vụ giảng dạy

TT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ % mức độ đánh giá				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1.	Anh/Chị được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học	68.4 %	23.9 %	2.9 %	1.1 %	3.7 %
2.	Anh/Chị được giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về lịch trình/kế hoạch giảng dạy và tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	64.6 %	27.3 %	3 %	1.2 %	3.9 %
3.	Anh/Chị được giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu học tập và các phương tiện hỗ trợ phục vụ	64.6 %	27.2 %	3 %	1.2 %	4 %

	môn học					
Tỉ lệ Trung bình		65.86 %	26.13 %	2.97 %	1.16 %	3.88 %

2.2. Nội dung giảng dạy

TT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ % mức độ đánh giá				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
4.	Nội dung giảng dạy được cập nhật, đổi mới.	63.8 %	27.5 %	3.5 %	1.1 %	4 %
5.	Nội dung giảng dạy thiết thực, hữu ích.	62.5 %	28.8 %	3.2 %	1.5 %	4 %
6.	Nội dung giảng dạy phù hợp với môn học, vừa sức đối với anh/chị.	63 %	27.6 %	3.9 %	1.3 %	4.2 %
Tỉ lệ Trung bình		63.10 %	27.97 %	3.53 %	1.3 %	4.10 %

2.3. Phương pháp giảng dạy

TT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ % mức độ đánh giá				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
7.	Giảng viên trình bày nội dung bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	64 %	26.7 %	3.7 %	1.3 %	4.2 %
8.	Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	62.4 %	28.9 %	3.6 %	1.1 %	4.1 %
9.	Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu hoặc đặt câu hỏi trong giờ học	63.1 %	28.3 %	3.1 %	1.2 %	4.2 %
10.	Giảng viên khuyến khích các hoạt động hợp tác theo nhóm.	61.3 %	29.8 %	3.4 %	1.2 %	4.2 %
Tỉ lệ Trung bình		62.7 %	28.43 %	3.5 %	1.2 %	4.17 %

2.4. Hoạt động giảng dạy

TT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ % mức độ đánh giá				
		Hoàn	Đồng ý	Tương	Không	Hoàn

		toàn đồng ý		đôi đồng ý	đồng ý	toàn không đồng ý
11.	Đảm bảo đúng thời gian lên lớp, kỷ cương trong giờ giảng; dạy đủ số giờ của học phần theo quy định	65.2 %	26.4 %	3.2 %	1.2 %	4 %
12.	Tác phong chuẩn mực, xử sự đúng mực với người học.	63.7 %	27.8 %	3.1 %	1.3 %	4.1 %
13.	Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy.	63.9 %	27.4 %	3.2 %	1.3 %	4.2 %
14.	Giảng viên có kiến thức sâu rộng về môn học.	63.7 %	28.9 %	2.5 %	1.2 %	3.8 %
15.	Giảng viên sẵn sàng giải đáp những thắc mắc của anh/chị liên quan đến môn học.	64.6 %	26.9 %	2.9 %	1.6 %	3.9 %
16.	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hiện có trong phòng học (bảng, máy chiếu,...).	62 %	28.5 %	3.8 %	1.6 %	4 %
17.	Giảng viên quan tâm đến phát triển kỹ năng diễn đạt và tư duy logic của anh/chị.	62 %	29 %	3.4 %	1.4 %	4.2 %
Tỉ lệ Trung bình		63.6 %	27.84 %	3.2 %	1.4 %	3.96 %

2.5. Công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên

TT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ % mức độ đánh giá				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
18.	Giảng viên sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khác nhau để tăng độ chính xác trong đánh giá.	65.3 %	26.8 %	2.8 %	1.3 %	3.8 %
19.	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của anh/chị.	63 %	28.6 %	3.1 %	1.3 %	4 %
20.	Tiếp thu hiệu quả nội dung môn học qua giảng dạy của giảng viên.	62 %	29 %	3.4 %	1.3 %	4.2 %
21.	Môn học giúp anh/chị hình thành, phát triển thể giới quan, phương	62.5 %	28.5 %	3.7 %	1.3 %	3.9 %

	pháp luận khoa học, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho chuyên môn, nghiệp vụ và thực tiễn cuộc sống.					
22.	Anh/chị thích được học môn học này do giảng viên giảng dạy.	62.2 %	28.3 %	3.4 %	1.6 %	4.6 %
Tỉ lệ Trung bình		63 %	28.24 %	3.28 %	1.36 %	4.12 %